

# TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

## Tập 2

*Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không*

*Thời gian: Ngày 06 tháng 04 năm 2010*

*Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông*

*Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu*

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngài! Mời xem “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải”.

Không cần ba chữ “bản hội tập”, chỉ cần “thanh tịnh bình đẳng giác kinh giải” là được rồi. Chúng tôi dùng bản này, hội tập là do lão cư sĩ Hạ Liên Cư ở huyện Vận Thành, tỉnh Sơn Đông hội tập, người chú giải là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, Hoàng lão cũng là một vị Kim Cang Thượng Sư của Mật tông. Chú giải có tất cả bốn quyển, nay chúng tôi in thành một cuốn bìa cứng. Bản trên tay tôi mà quý vị vừa thấy là bản được chỉnh lý vào năm ngoái. Bản này được lưu thông rất nhiều ở trong và ngoài nước, mười năm trước chúng tôi in lần đầu là 10.000 cuốn, sau này gần như mỗi năm đều có số lượng bản in tương đương được lưu thông. Mời xem quyển thứ nhất, chúng ta học tập lần này là hoàn toàn học tập bản chú giải của Hoàng lão, chúng ta báo đáp sự khổ nhọc lúc tuổi già của ngài, kế thừa hoằng nguyện của ngài, mong muốn Tịnh tông được vĩnh viễn truyền thừa. Ngày hôm qua, chúng tôi đã báo cáo nhân duyên này với quý vị rồi.

Hôm nay, chúng ta xem quyển thứ nhất: “*Từ lời nói đầu, phần khái yếu cho tới phần giải thích chánh kinh từ phẩm thứ nhất đến phẩm thứ ba*”, ở đây nói rõ nội dung của quyển thứ nhất là đến phẩm thứ ba. Cả bộ kinh tổng cộng có 48 phẩm. Trước tiên, chúng ta xem “*phần thứ nhất - lời nói đầu*”. “*Pháp môn Tịnh độ là Nhất thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy, trùm khắp ba căn, phạm thánh cùng thâm, vượt ngang tam giới, thẳng lên bốn cõi, cực viên cực đốn, là pháp môn vi diệu không thể nghĩ bàn*”. Đoạn mở đầu này là một đoạn nhỏ tán thán Tịnh độ, tán thán Tịnh độ đến tột cùng. Có thật là như vậy không? Phật Thích-ca giảng kinh thuyết pháp 49 năm, trong 49 năm nói rất nhiều kinh, bộ kinh nào là quan trọng nhất, là kinh đệ nhất vậy? Chúng tôi có cách nghĩ này, không hề biết rằng cổ nhân đã có cách nói như vậy từ lâu. Trong thời đại Tùy - Đường, các vị đại đức phương Đông lẫn phương Tây, phương Đông chính là những cao tăng, tổ sư đại đức Trung Quốc,

phương Tây là các vị đại sư từ Ấn Độ sang phương Đông truyền đạo, dịch kinh. Trong đó, còn bao gồm các đại đức Nhật Bản, Hàn Quốc đến Trung Quốc du học, sau đó họ trở về nước, đều trở thành bậc tông sư trong nước mình, như 13 tông phái của Nhật Bản đều từ Trung Quốc truyền sang; đi về phương Nam còn bao gồm Việt Nam, do vậy Phật giáo Việt Nam cũng từ Trung Quốc truyền sang. Thuở ấy, có tổ sư đại đức đã nêu lên câu hỏi như thế này: Trong các kinh do Thế Tôn nói trong 49 năm, bộ kinh nào có thể đại biểu cho kinh giáo cả một đời của Thế Tôn? Các vị đại đức này gần như đều công nhận là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, mọi người đều công nhận, bất luận tông nào, phái nào cũng đều thừa nhận. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm biến thành pháp luân căn bản trong Phật pháp, giống như một cái cây to, đây là gốc, đây là rễ, tất cả các chi phái đều từ gốc rễ này mà phát triển ra. Lại truy cứu đến chỗ cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm là căn bản, chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát dẫn về Cực Lạc, tình huống này là như thế nào vậy?

Bốn sư của thế giới Hoa Tạng là Tỳ-lô-giá-na Như Lai, ngài Văn-thù, Phổ Hiền giúp Phật Tỳ-lô-giá-na giáo hóa chúng sanh, là thủ lĩnh trong hàng đệ tử. Ngài Văn-thù chủ yếu về giải môn, biểu thị cho trí tuệ; ngài Phổ Hiền chủ yếu về hành môn, biểu thị cho tu chứng, một bên là hành môn, một bên là giải môn. Kinh Hoa Nghiêm lấy Thiện Tài đồng tử làm đại biểu, đến sau cùng Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, chúng ta thấy hai vị Bồ-tát này trong kinh điển. Ngài Văn-thù là thầy của bảy vị Phật, học trò đều thành Phật, rất nhiều người đã thành Phật rồi mà ngài vẫn giữ thân phận Bồ-tát, vẫn hiệp trợ Tỳ-lô-giá-na Phật dạy dỗ hàng Pháp thân đại sĩ, ngài từ bi đến cực điểm. Đây gọi là ngược thuyền từ, ngài đã thành Phật rồi, nhưng lui xuống địa vị Bồ-tát, điều này có ý nghĩa biểu pháp rất sâu. Phật dạy chúng sanh chẳng dễ, vì sao vậy? Phật biểu thị cho bản thể, biểu thị cho pháp tánh. Pháp tánh không có tướng, pháp tánh là gì? Pháp tánh là Thường tịch quang, chúng ta gọi cõi cao nhất trong bốn cõi Tịnh độ là cõi Thường tịch quang tịnh, Thường tịch quang là pháp tánh, Thường tịch quang chẳng phải là vật chất, cũng chẳng phải là tinh thần, cả hai phương diện này đều chẳng thể bàn đến, do không có cách nào nên gọi là Thường tịch quang. “Thường” là vĩnh hằng bất biến, chữ thường mang ý nghĩa này. “Tịch” là thanh tịnh tịch diệt, bạn thấy đại sư Lục tổ Huệ Năng đã kiến tánh, câu nói đầu tiên là: “Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, tịch chính là ý nghĩa này. Diệt là gì? Diệt là diệt hết thấy phiến não,

kinh Hoa Nghiêm gọi phiền não là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong giáo pháp Đại thừa, vọng tưởng được gọi là vô minh phiền não, hoặc gọi là căn bản vô minh, phân biệt được gọi là trần sa phiền não, trong kinh Đại thừa gọi chấp trước là kiến tư phiền não, danh xưng khác nhau nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Đối với những điều kinh Hoa Nghiêm đã nói thì chúng ta hiểu được dễ dàng, nhưng rất khó hiểu được ý nghĩa chân thật, chúng ta hiểu theo kiểu nuốt chửng quả táo. Do vậy, căn bản vô minh, trần sa, kiến tư trong kinh Đại thừa nói chẳng dễ hiểu cho lắm, nhưng giảng giải thì sẽ dễ lý giải hơn. Do vậy chúng ta biết được, những danh từ thuật ngữ trong kinh giáo là bất định, đức Phật chẳng có pháp nhất định để nói. Cho nên dạy chúng ta “ý nghĩa, không y ngữ”, bạn phải hiểu ý nghĩa của chúng, đừng chấp trước vào ngôn ngữ, văn tự, danh tướng, đều không cần chấp trước, hiểu được ý nghĩa biểu thị của chúng là được rồi.

Cho nên chúng ta học Phật, phải biết tư tưởng trung tâm trong giáo pháp cả một đời của Thích-ca Mâu-ni Phật là gì? Chính là Tịnh độ. Trong hội Hoa Nghiêm, ta thấy ngài Văn-thù, Phổ Hiền dẫn dắt 41 *giai vị Pháp thân đại sĩ*<sup>1</sup> của thế giới Hoa Tạng, từ Sơ trụ Bồ-tát đến Thập địa Bồ-tát, kể cả Đẳng giác là 41 giai vị; Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa là 40 giai vị, cộng thêm giai vị Đẳng giác là 41 giai vị Pháp thân đại sĩ, đến nơi đâu vậy? Đến thế giới Cực Lạc, lễ bái A-di-đà Phật. Quý vị suy ngẫm cảnh giới này thì sẽ thấy Tỳ-lô-giá-na Phật có lòng độ lượng rất lớn! Nếu nói theo chúng ta hiện nay, chúng ta theo một vị thầy, bỗng nhiên phát hiện một vị thầy tốt khác, bèn dẫn hết các đồng học sang chỗ vị thầy đó, trong lòng vị thầy này sẽ nghĩ như thế nào? Chẳng phải rất khó chịu ư? Đó là phản sư nghịch đạo. Không những Tỳ-lô-giá-na Phật chẳng phản đối, mà Tỳ-lô-giá-na Phật còn hoan hỷ: “Tốt, quý vị sang đó hay lắm, sang gặp A-di-đà Phật”. Vì sao? A-di-đà Phật và Tỳ-lô-giá-na Phật không hai, là một, chẳng phải hai. Vì sao sang thế giới Cực Lạc? A-di-đà Phật ở thế giới Cực Lạc có phương tiện thiện xảo, giúp quý vị tu hành chứng quả, rút ngắn thời gian rất nhiều. Trong thế giới Hoa Tạng, chúng ta nói bậc Bồ-tát Sơ trụ trong Viên giáo, nếu chứng đắc Phật quả cứu cánh viên mãn thì phải mất thời gian bao lâu? Ba đại a-tăng-kỳ kiếp. Ba đại a-tăng-kỳ kiếp là nói

---

<sup>1</sup> Còn gọi là Bồ-tát giai vị (菩薩階位): Các giai vị mà Bồ-tát phải trải qua từ lúc mới phát tâm Bồ-đề cho đến khi thành Phật. Thông thường dùng từ **Vị** hoặc **Tâm** gọi thay từ giai vị, như: Thập tín vị (Thập tín tâm), Thập hồi hướng vị (Thập hồi hướng tâm) v.v... Nhưng về sự phân chia giai vị và tên gọi của nó, các kinh luận nói khác nhau. Trong các học thuyết về thứ bậc Bồ-tát như: 41 giai vị (kinh Hoa Nghiêm), 51 giai vị (kinh Nhân Vương), 52 giai vị (kinh Anh Lạc), 57 giai vị (kinh Thủ-lăng-nghiêm) thì 52 giai vị (Thập tín vị, Thập trụ vị, Thập hạnh vị, Thập hồi hướng vị, Thập địa vị, Đẳng giác, Diệu giác) trong kinh Bồ-tát Anh Lạc Bản Nghiệp là hoàn chỉnh nhất, vì lẽ giai vị không thiếu sót và nói chung được sử dụng rộng rãi.

như thế này, chẳng phải là tính từ hiện tại, chẳng phải vậy, mà bắt đầu tính từ lúc bạn minh tâm kiến tánh, chưa minh tâm kiến tánh thì không tính, minh tâm kiến tánh là Bồ-tát Sơ trụ trong Viên giáo, hay Bồ-tát Sơ địa trong Biệt giáo, bắt đầu tính từ ngày đó, cần thời gian dài ngắn ấy. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì thế nào? Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì trong một ngày bèn viên mãn, đó gọi là gì? Niệm kiếp viên dung, không thể nghĩ bàn! Thế nên, quý vị nói xem thế giới Cực Lạc thù thắng biết bao. Cho nên cổ đại đức bảo, khi truy cứu đâu là đỉnh điểm, tột đỉnh của Phật pháp, từ Hoa Nghiêm chúng ta truy tới Vô Lượng Thọ, kinh Hoa Nghiêm đến sau cùng trở về kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là chuyên giảng về thế giới Cực Lạc.

Kinh Vô Lượng Thọ có chín bản, có thể nói bản này của lão cư sĩ Hạ Liên Cư là bản hay nhất, trong năm bản dịch thì bản này được xem là bản hoàn chỉnh nhất, đây là hội tập hoàn thiện từ năm bản dịch gốc, công trình hội tập hoàn thiện nhất. Từ thời Tống trở đi, luôn có người muốn làm công việc này, Vương Long Thư hoàn thành đầu tiên, trong phần sau thì chúng tôi sẽ báo cáo tỉ mỉ, ông hội tập rất khá, nhưng vẫn có tỳ vết, chưa phải là tận thiện tận mỹ. Về sau, trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm hội tập lần thứ hai, đương nhiên hay hơn bản của Vương Long Thư, Vương Long Thư chỉ đọc được bốn bản dịch gốc, còn Ngụy Mặc Thâm xem hết năm bản dịch gốc, hội tập cũng khá, nhưng vẫn chưa tận thiện tận mỹ, trong ấy có vấn đề. Mãi cho đến sau cùng, đầu thời Dân Quốc, lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập lần thứ ba. Kỳ lạ thay, ba lần hội tập đều là cư sĩ tại gia, Bồ-tát tại gia, cho thấy pháp môn Tịnh độ có duyên vô cùng thù thắng với người tại gia, cho nên ba lần hội tập đều do người tại gia làm. Nghĩa thú biểu pháp trong ấy sâu xa, thành tựu thù thắng khôn sánh, trong những phần sau chúng ta đều sẽ thấy những điều này.

Vừa mở đầu, Hoàng lão đã giới thiệu với chúng ta, ngài bảo pháp môn này là Nhất thừa liễu nghĩa. Kinh Nhất thừa là gì? Chúng ta thường thấy Nhị thừa, Nhị thừa là Đại thừa và Tiểu thừa, đó gọi là Nhị thừa. Tam thừa là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa, tức là tách Tiểu thừa thành Thanh văn và Duyên giác, Thanh văn là A-la-hán, Duyên giác là Bích-chi Phật, tách Tiểu thừa làm hai, Bích-chi Phật cao hơn A-la-hán một chút, đây là Tam thừa. Trong kinh Pháp Hoa, Thế tôn đã nói rõ chư Phật Như Lai ứng hóa trong thế gian này để giáo hóa chúng sanh, phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa có nói: *“Trong mười phương cõi Phật, chỉ*

*có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói*”. Bài kệ này hết sức trọng yếu, nói cách khác, đức Phật giảng Tam thừa hay giảng Nhị thừa là nói phương tiện, nói chân thật thì sao? Nói chân thật là pháp Nhất thừa. Nhất thừa chính là Phật thừa, nói cách khác, pháp môn này là dạy người thành Phật, lại còn thành Phật ngay trong một đời, đây gọi là pháp Nhất thừa. Đại thừa là thành Bồ-tát, bạn trong một đời này tu đến quả vị cao nhất là Bồ-tát, đây là Đại thừa. Nếu trong đời này, bạn tu thành A-la-hán hay tu thành Bích-chi Phật thì là Tiểu thừa. Giống như chúng ta đi học, Nhất thừa là gì? Nhất thừa là lớp tiến sĩ nghiên cứu sinh, trong một đời này bạn đạt được học vị cao nhất, Đại thừa là lớp thạc sĩ, Tiểu thừa là cử nhân, cử nhân tốt nghiệp đại học, đây là danh xưng của ba loại học vị trong Phật môn, cần phải biết điều này. Pháp môn nào có thể chứng đắc Phật quả cứu cánh trong một đời thì gọi là Nhất thừa, pháp môn ấy cũng là pháp môn Nhất thừa, kinh ấy cũng là kinh Nhất thừa.

Trước hết, chúng tôi giảng chữ Nhất thừa theo cách giải thích thông thường trong kinh Phật, thừa là thí dụ giống như cỗ xe, người xưa dùng xe làm thí dụ, đại thừa là cỗ xe lớn, thời xưa xe lớn là xe ngựa, xe ngựa to, có thể ngồi được nhiều người. Tôi nhớ lúc nhỏ đi học tại Nam Kinh, đi học bằng xe ngựa, một cỗ xe ngựa chở được bao nhiêu học trò? Mười bốn người, ngồi xe ngựa đi học, sau khi kháng chiến thắng lợi vẫn còn xe ngựa. Sau khi kháng chiến thắng lợi, là năm Dân Quốc 34 hay 35 (1946), năm 35 tôi học tại Nam Kinh, khi ấy xe ngựa rất nhiều, xe buýt không nhiều. Tiểu thừa là xe dê hay xe nai, xe dê hay xe nai khá nhỏ, chỉ ngồi được một, hai người. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật dùng điều này làm thí dụ, “thừa” có nghĩa là chuyên chở, “Phật nói pháp Nhất thừa để chúng sanh nương theo pháp này mà tu hành, thoát khỏi biển khổ sanh tử, chở đến bờ Niết-bàn bên kia”, Niết-bàn này là Niết-bàn cứu cánh. Niết-bàn của Tiểu thừa cũng gọi là Niết-bàn, nhưng là thiên chân Niết-bàn, Tiểu thừa thoát sanh tử là thoát khỏi sự sanh tử trong lục đạo luân hồi, cho nên họ chứng đắc thiên chân Niết-bàn. Đại thừa là lia hai thứ sanh tử, loại thứ nhất là phần đoạn sanh tử, chúng ta hiện nay là từng đoạn từng đoạn, từng giai đoạn một. Loại thứ hai là biến dịch sanh tử, biến dịch sanh tử chẳng dễ hiểu, ví như chúng ta đi học, chúng ta học lớp một, học xong lớp một, năm sau lên lớp hai, lớp một đã chết, lớp hai bèn sanh ra, là ý nghĩa như vậy. Nói lên điều gì? Chúng ta đi trên đường Bồ-đề, bất luận là Đại thừa hay Tiểu thừa, Tiểu thừa có tám giai vị, theo kinh Hoa Nghiêm thì Đại thừa có 41 giai vị, bạn tiến lên từng bước một, vừa rời khỏi giai vị dưới bèn lên giai vị trên, đây gọi là biến dịch. Biến dịch

chẳng phải là sanh tử thật sự, vì sao dùng danh từ sanh tử? Sanh tử khổ lắm! Bạn leo lên một lớp cũng rất khổ cực, phải làm bài tập, chẳng dễ gì lên lớp, cho nên bạn cũng phải ném những nỗi khổ sở thì mới có thể nâng cao hơn. Bạn thấy một người từ tiểu học, trung học, đại học, học tới nghiên cứu sinh, cũng phải học mất hai mươi mấy năm, bạn phải ném trải rất nhiều khổ sở mới có thể lấy được học vị đó, đây là biến dịch sanh tử. Từ A-la-hán trở lên, chính là đã ra khỏi lục đạo, trong lục đạo có cả hai loại sanh tử, biến dịch cũng có, phần đoạn cũng có; ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới, trong tứ thánh pháp giới có biến dịch, nhưng không có phần đoạn sanh tử. Trong lục đạo có nỗi khổ sanh tử, ngoài lục đạo chẳng có, nhưng có biến dịch. Tu hành cũng chẳng phải là chuyện rất dễ dàng, cũng phải hết lòng nỗ lực tinh tấn, lại còn phải buông xuống phân biệt, buông bỏ tập khí phân biệt, rồi buông xuống tiếp vọng tưởng. Buông xuống vọng tưởng thì thập pháp giới chẳng còn, bèn đạt đến Nhất chân pháp giới, đạt đến cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai.

Thế Tôn đã có mục tiêu thật sự là mong cho hết thảy chúng sanh mau chóng thành Phật giống như ngài. Thế nhưng căn tánh của chúng sanh không giống nhau, mê hoặc có sâu cạn, tập khí khác nhau. Mê sâu, tập khí nặng thì chẳng thể tiếp nhận pháp Đại thừa, nên Phật bèn dùng pháp phương tiện. Ví như thầy và cha mẹ chúng ta đều mong chúng ta đạt được học vị tiến sĩ, nhưng học vị tiến sĩ chẳng dễ gì đạt được, làm cách nào đây? Mở trường học, lập ra tiểu học, trung học, đại học, nâng trình độ của bạn lên từ từ. Trung học, tiểu học, đại học đều là phương tiện quyền xảo, chương trình tiến sĩ mới là mục tiêu thật sự, đức Phật dạy học cũng giống như vậy. Bạn thấy Thế Tôn sau khi giác ngộ dưới cây bồ-đề, đây là đại triệt đại ngộ, bèn nói ra cảnh giới viên mãn mà ngài ngộ nhập, nói hết mười bốn ngày. Mười bốn ngày này là nói trong định, chúng ta thấy Phật Thích-ca nhập định dưới cây bồ-đề, đâu biết ngài đang ở nơi đó giảng kinh, giảng kinh gì? Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, là cảnh giới do chính ngài chứng đắc. Chúng ta nhìn lại Trung Quốc, vào thời Đường, đại sư Huệ Năng cũng minh tâm kiến tánh. Trong thất phương trượng của hòa thượng Ngũ tổ Hoàng Nhãn, Ngũ tổ giảng kinh Kim Cang cho ngài, đại sư Huệ Năng không biết chữ, đương nhiên chẳng có quyển kinh, tổ giảng đại ý kinh Kim Cang, giảng đến “nên không trụ vào đâu mà sanh tâm kia”, ngài bèn đại triệt đại ngộ. Ngài cũng nói ra cảnh giới của chính mình, nói ra năm câu, năm câu ấy chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm do Thích-ca Mâu-ni Phật nói,

kinh Hoa Nghiêm rút gọn lại thì thành năm câu ấy, năm câu ấy triển khai ra sẽ thành kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm.

Đại sư Huệ Năng nói năm câu, câu đầu tiên là: “Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, không ngờ là như vậy, ngài đã kiến tánh rồi, không ngờ rằng tánh vốn dĩ là thanh tịnh, trước giờ chưa từng bị ô nhiễm. Tự tánh của chúng ta có ô nhiễm hay không? Không có, ô nhiễm thì chẳng phải thật, sẽ biến thành đồ giả. Chúng ta nói ô nhiễm là thứ gì vậy? A-lại-da ô nhiễm, a-lại-da là vọng tâm, tự tánh là chân tâm, chân tâm chưa từng bị ô nhiễm. Thế nên nhiễm là vọng tâm, hiện nay chúng ta đang mê, nhưng thật sự chẳng biết, cho giả là thật, thiết thời là ở chỗ này. Câu thứ hai nói: “Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, vốn không sanh diệt chính là đại bất-niết-bàn, đây là sự bất sanh bất diệt mà tất cả các tôn giáo ở Ấn Độ thời cổ tha thiết mong cầu. Hiện nay, mỗi tôn giáo đều nói về “bất tử”, chính là ý nghĩa này. Có bất tử hay không? Có. Mình thật sự thì sẽ sống mãi, cái ta giả thì có sanh tử, cái ta này là giả, chẳng phải thật. Bạn hiểu rõ chuyện này thì sẽ rất thoải mái, nhẹ nhõm, chẳng còn sợ hãi nữa. Những thứ giả thì mặc cho nó sanh diệt, ta thật sự thì vĩnh hằng bất diệt, bạn hãy tìm lại cái chân thật, đức Phật dạy chúng ta tìm lại cái chân thật, đây là việc lớn.

Câu thứ ba ngài nói rất hay: “Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, đầy đủ điều gì? Trong kinh Hoa Nghiêm, Thế tôn đã nói một câu căn dặn rõ ràng, ngài nói: “Hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai”, đây là vốn tự đầy đủ. Như Lai là nói về tự tánh, trong giáo pháp Đại thừa, bạn thấy nói Phật, nói Như Lai, “lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai” trong mười đại nguyện vương, nói Phật là nói theo tướng, nói Như Lai là nói theo tánh, khác nhau là ở chỗ này, tướng là giả, tánh là thật, đây là chỗ khác nhau giữa hai danh từ này. Nói hết thảy chúng sanh đều có trí tuệ của Như Lai chính là nói đến tự tánh của bạn, trong tự tánh của bạn có trí tuệ, trí tuệ viên mãn. Đó là gì? Sẵn có trong tự tánh, chẳng phải do học được. Trí tuệ viên mãn, không gì không biết, không gì không thể, đây là lời tán thán thượng đế, tán thán thần của các tôn giáo thông thường, thượng đế và thần chưa chắc có, nhưng tự tánh thì thật sự có. Vì sao chúng ta biết như thế? Thượng đế và thần cũng là chúng sanh trong lục đạo, thuộc thiên đạo, họ vẫn chưa ra khỏi lục đạo, vẫn chưa ra khỏi tam giới, vẫn là mê chưa giác, phước báo lớn hơn chúng ta, trí tuệ nhiều hơn chúng ta một chút, nhưng vẫn chưa phải là viên mãn rốt ráo, trí tuệ sẵn có trong tự tánh mới là viên mãn. Đây là gì? Khi nó ẩn, nhà Phật gọi là ẩn hiện, ẩn là

gì? Ví như cái màn hình huỳnh quang của chúng ta hiện nay, chúng ta nhấn nút tắt nó đi thì trên màn hình chẳng còn gì nữa, đây là “nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, bạn chẳng thể nói chúng không có, bạn mở đúng kênh thì chúng bèn hiện tiền. Mở đúng kênh thì sao? “Có thể sanh vạn pháp”, chúng bèn hiện tiền. Lúc không hiện tiền thì chẳng thể bảo chúng là không; khi hiện tiền, chẳng thể nói chúng là có. Điều này trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng, bạn chẳng thể nói nó là có. Đây là chân tướng sự thật, chúng ta phải hiểu rõ.

Ngài nói câu thứ tư: “Nào ngờ tự tánh vốn không dao động”, như như bất động, đây là mấu chốt quan trọng nhất trong tu hành. Bạn tu điều gì? Nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu gì vậy? Thừa quý vị, đều là tu thiền định, gọi là tam-muội. Tam-muội là tiếng Phạn, *tam* dịch là chánh, *muội* dịch là định, tam-muội là chánh định. Cho nên chánh định, tâm bạn vốn định, vì sao hiện nay tâm loạn như vậy? Loạn là vọng tâm, không phải là chân tâm, chân tâm vốn định, trước giờ chưa hề dao động. Đó là năm câu nói của đại sư Huệ Năng lúc khai ngộ. Sau khi nói ra năm câu này, Ngũ tổ bảo: “Được rồi”, bèn truyền y bát cho ngài. Truyền cho ngài rồi thế nào? Bảo ngài hãy đi cho mau, tìm nơi lánh nạn. Lánh nạn gì vậy? Phải biết là xưa nay trong và ngoài nước, sự đổ kỵ chướng ngại khó mà tránh khỏi. Bạn nói xem, đại sư Thần Tú ở đạo tràng của hòa thượng Hoàng Nhẫn bao nhiêu năm rồi, là một người được mọi người kính ngưỡng nhất trong các đồ đệ của tổ, ai nấy đều cho rằng nếu Ngũ tổ truyền pháp thì chắc chắn sẽ truyền cho ngài Thần Tú, tại sao vô duyên vô cớ truyền cho người khác? Người ấy trước giờ chẳng ai biết đến, lại còn không biết chữ? Bạn thấy ngài Huệ Năng đến Hoàng Mai làm gì suốt tám tháng? Giã gạo, chẻ củi trong phòng chứa củi. Ngài ở Hoàng Mai tám tháng, chưa từng vào thiền đường, giảng đường cũng chưa đến, chưa từng nghe kinh ngày nào, sao Ngũ tổ lại đem y bát truyền cho ngài, ai có thể phục? Chẳng ai phục, chắc chắn sẽ tìm ngài gây sự, đoạt y bát về, đây là chuyện nhỏ, chuyện lớn là có thể còn hại mạng ngài nữa. Do vậy, tổ bảo ngài đi cho nhanh, cầm lấy y bát rồi mau đi ngay. Trốn trong nhóm thợ săn 15 năm, 15 năm ấy khiến mọi người dần dần quên đi chuyện này, ngài mới ra mặt. Bước ra bèn gặp pháp sư Ấn Tông, ngài Ấn Tông tuyệt vời lắm! Ngài Ấn Tông ở Lĩnh Nam, nay chúng ta gọi vùng ấy là Quảng Đông, khi ấy gọi là Lĩnh Nam, ngài Ấn Tông là bậc cao tăng giảng kinh, thuyết pháp bậc nhất. Đạo tràng giảng kinh của ngài chính là Quảng Châu hiện nay, là chùa nào ở Quảng Châu nhỉ? Gió động hay phướn động, lão hòa thượng Bôn



Hoán làm trụ trì chùa ấy, tôi nhất thời không nhớ ra chùa nào ở Quảng Đông. Chùa Quang Hiếu, đúng rồi, chùa Quang Hiếu là nơi ngài giảng kinh Niết-bàn.

Lục tổ rời khỏi nhóm thợ săn đến Quảng Đông, gặp được đạo tràng như vậy bèn ở đó nghe kinh, ngài ngồi ở phía sau. Nghe thấy hai vị xuất gia đang biện luận, một người nói phước treo ở bên ngoài đang động, “thầy xem, phước đang động”; người kia nói: “Không phải phước động, mà là gió động”. Hai người tranh luận không ngớt, ngài nói chen vào một câu, ngài nói: “Thưa nhân giả”, hết sức khiêm tốn, vô cùng khách sáo, nhân giả là cách xưng hô dành cho Bồ-tát, là cách xưng hô tôn kính nhất, ngài gọi họ là nhân giả, “không phải gió động, cũng chẳng phải phước động”, ngài nói: “Mà là tâm của nhân giả động”. Khi nghe như vậy, mọi người đều bội phục năm vóc sát đất. Ngài Ấn Tông giảng kinh xong, bước xuống bục giảng, gặp mặt tổ, liền hỏi, ngày nay chúng ta thường gọi sự đối đáp này là thiền cơ. Pháp sư Ấn Tông hỏi: “Nghe nói ngài Hoàng Mai về sau truyền pháp cho hành giả có tên là đại sư Năng, chẳng lẽ là ngài?” Đại sư Huệ Năng bèn thừa nhận. Ngài Ấn Tông bèn thỉnh cầu: “Ngài hãy đem y bát ra cho chúng tôi xem”, y bát ấy là chứng minh, nhận đúng người rồi. Đối với kinh giáo, pháp sư Ấn Tông còn có một vài vấn đề, bèn thỉnh giáo đại sư, ngài đều giải thích cho pháp sư. Sau đó, Ấn Tông làm lễ xuống tóc xuất gia cho tổ, cho nên ngài Ấn Tông là thầy thế độ của đại sư Lục tổ Huệ Năng. Nhưng sau khi xuống tóc, pháp sư Ấn Tông bái tổ làm thầy, đây chẳng phải là người thường, mà là Phật Bồ-tát thị hiện, nếu không thì sao có lòng độ lượng lớn như thế? Một vị cao tăng khắp cả vùng Lĩnh Nam ngay lập tức bái tổ làm thầy, địa vị của đại sư Huệ Năng liền cao trỗi, trong chốc lát được nâng lên cao. Bằng không mà nói, đại sư Huệ Năng muốn đạt tới địa vị cao như thế thì tối thiểu phải mất 10 năm, 20 năm, còn nay là được đề cao ngay. Do vậy, tôi nghĩ ngài Ấn Tông là Bồ-tát thị hiện, hai vị này là người hát người phụ họa cho chúng ta xem, các ngài nào phải người phàm.

Năm câu nói ấy của ngài mở rộng ra chính là kinh Hoa Nghiêm, từng câu từng chữ trong kinh Hoa Nghiêm không rời khỏi năm câu ấy. Do vậy, đại sư Huệ Năng chứng đắc cùng một cảnh giới với Thích-ca Mâu-ni Phật. Một vị dùng thân Phật, dùng thân phàm Phật mà xuất hiện, phẩm Phổ Môn nói: “Nên dùng thân Phật để độ liền hiện thân Phật để thuyết pháp”; ngài Huệ Năng ở Trung Quốc, nên dùng thân tỳ-kheo để xuất hiện liền hiện thân tỳ-kheo để thuyết pháp, chẳng khác gì nhau, chúng ta phải biết điều này, Phật pháp bình đẳng, đây gọi là pháp Nhất thừa. Vì thế,

Thiền tông Trung Quốc là Nhất thừa, nhưng Đại thừa không nhất định [là Nhất thừa]. Trong các kinh điển Nhất thừa, cổ đại đức nói với chúng ta, kinh Nhất thừa chỉ có ba bộ là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng. Hết sức đáng tiếc là kinh Phạm Võng không truyền sang Trung Quốc. Đó là một bộ kinh lớn, phân lượng tương đương với kinh Hoa Nghiêm. Chỉ có một phẩm được truyền sang Trung Quốc là phẩm Bồ-tát Tâm Địa Giới, tức Bồ-tát giới, truyền mỗi phẩm này, gồm hai quyển, không thấy những phẩm khác. Kinh hoàn chỉnh là hai bộ Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Đối với kinh Pháp Hoa, vì sao có thể khẳng định là kinh Nhất thừa? Kinh Nhất thừa là thành Phật ngay trong một đời. Trong phẩm Đề-bà của kinh Pháp Hoa có nói long nữ 8 tuổi thành Phật, rằng là cõi súc sanh, long nữ 8 tuổi, nghe Bồ-tát Văn-thù giảng kinh tại long cung, cô nghe hiểu, giác ngộ, sáng tỏ rồi. Quý vị phải biết, nghe pháp khai giải, đoạn nghi sanh tín, cô lập tức thành tựu hành môn. Hành môn là gì? Buông xuống. Bạn thấy đức Phật thường nói trong kinh Đại thừa, chỉ cần bạn có thể buông xuống ba thứ phiền não là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì bạn liền thành Phật. Cho nên chúng tôi tin rằng, sau khi long nữ nghe hiểu thì bèn buông xuống, sau khi buông xuống thì đến núi Linh Thứu gặp Thích-ca Mâu-ni Phật, sau khi lễ Phật liền hiện thân Phật, thành Đẳng chánh giác trong thế giới Vô Cấu ở phương Nam, đó là kinh Pháp Hoa.

Chúng ta thấy cuối kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài một đời viên chứng vô thượng Bồ-đề, ngài đắc căn bản trí trong hội của ngài Văn-thù. Căn bản trí là gì? Nói theo cách hiện nay cho dễ hiểu là tâm thanh tịnh. Tâm bạn làm sao biết thanh tịnh? Chẳng phải là giống như đại sư Huệ Năng sao? “Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, đó là căn bản trí. Ngài lập tức buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó gọi là gì? Đốn đoạn, tức là đoạn hết ngay lập tức, ngài bèn chứng đắc. Ngày nay chúng ta hiểu điều này, nhưng không buông xuống được, vấn đề là ở chỗ này. Người ta thật sự buông xuống, không chỉ buông xuống chấp trước, buông xuống phân biệt, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng buông xuống, buông xuống vọng tưởng là không khởi tâm, không động niệm, đó là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Do vậy, đây gọi là kinh Nhất thừa. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì thập pháp giới chẳng còn, do đó thập pháp giới là cảnh mộng, lục đạo là mộng trong mộng. Chúng ta buông xuống hết thấy chấp trước, nếu chẳng chấp trước hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian thì bạn bèn tỉnh thức, lục đạo chẳng còn, giống như tỉnh mộng. Tỉnh mộng rồi, sau khi tỉnh ra thì cảnh giới ấy là tứ thánh pháp giới, đó vẫn là một giấc mộng, nhưng giác

mộng ấy là phiền não nhẹ hơn chúng ta, chỉ còn vọng tưởng, phân biệt. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt thì cảnh mộng đó cũng chẳng còn, tứ thánh pháp giới cũng chẳng có. Vì thế nói: “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, chẳng giả tí nào. Thập pháp giới không còn nữa thì cảnh giới gì xuất hiện? Thế giới Hoa Tạng xuất hiện, thế giới Cực Lạc xuất hiện, đó là cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật. Những cõi ấy có thật hay không? So với chúng ta mà nói thì là thật, thế giới này của chúng ta thiên biến vạn hóa. Lúc ấy tôi nghĩ không ra vấn đề này, nó biến hóa như thế nào? Sao biến hóa đến mức chẳng có cùng tận? Tôi nghĩ tới lúc nhỏ chơi kính vạn hoa, họ đã tìm rất nhiều kính vạn hoa cho tôi, chỉ là mấy tấm giấy màu, đặt giữa ba miếng gương, bạn xoay ống kính, vừa xoay thì các kết cấu hình thể trong ấy không bao giờ trùng lặp. Thế nên, tôi học bộ Hoàn Nguyên Quán, trong Hoàn Nguyên Quán nói “xuất sanh vô tận”, dùng kính vạn hoa có thể biểu thị cho điều ấy, đúng là xuất sanh vô tận, chẳng hề giả. Điều gì thiên biến vạn hóa trong vũ trụ chúng ta vậy? Ý niệm làm chủ tể, ý niệm đang làm chủ, tùy theo ý niệm của bạn mà khởi lên sự biến hóa, sự việc là như vậy đó. Do vậy, phải hiểu rõ chân tướng sự thật này.

Phật dạy chúng ta điều gì trong kinh này? Dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Mệnh đề này chính là điều mà các nhà khoa học truy cầu, triết học cũng truy cầu điều này, các nhà tôn giáo cũng truy cầu điều này, nhưng đều không thể nói rõ ràng. Vì sao họ chẳng nói rõ ràng? Hiện nay chúng ta hiểu rõ rồi, họ vĩnh viễn chẳng thể nói rõ ràng, vì sao vậy? Họ chưa đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chưa buông xuống được, hễ buông xuống thì sẽ thấu hiểu. Có những thứ này thì dù bạn nghiên cứu thế nào đi nữa cũng đều ngăn cách một tầng chướng ngại, bạn không cách nào giải thích rõ ràng. Chỉ có buông xuống, trở về tự tánh. Vì sao vậy? Những thứ này chẳng phải thật, là hư huyền. Nếu bạn không tin, bạn có kinh nghiệm nằm mộng hay không? Có, chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, mộng là thật hay giả? Thế gian này của chúng ta giống như nằm mộng, thế nên trong kinh đức Phật rất hay dùng mộng làm thí dụ. Như nói “mộng, huyền, bọt, bóng”, thí dụ chủ yếu nhất là cảnh mộng, “huyền, bọt, bóng” đều là những thí dụ phụ, chủ yếu là thí dụ của mộng. Cho nên trong kinh Kim Cang, đức Phật có một bài kệ vô cùng nổi tiếng dạy chúng ta rằng: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng huyền bọt bóng, như sương cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”, đây là cái nhìn của đức Phật đối với chân tướng vũ trụ nhân sinh. “Như sương cũng như chớp”, chớp là tia chớp, sương là giọt sương, đây là hai thí dụ, như chớp là nói mỗi một ý

niệm giống như tia chớp vậy; giọt sương thì còn tồn tại một lúc, mặt trời lên thì nó bèn khô ráo, chẳng còn nữa, bốc hơi hết rồi, đó gọi là tướng tiếp nối. Giống như trong điện ảnh, chúng ta thấy những hình ảnh trên màn bạc, những hình ảnh đó là tướng tiếp nối, là tướng tiếp nối do các tấm phim được rọi sáng kết hợp thành, nó chẳng phải thật. Điều này chúng ta có thể thể hội được từ trong khoa học cận đại rất rõ ràng, đâu có gì là thật? Không tìm được thứ nào là thật. Nếu thật sự tìm được cái nào là thật thì có thể nói là vĩnh hằng bất biến, tối thiểu phải là cõi Thật báo.

Những thứ trong thế giới Cực Lạc là vĩnh hằng, không có biến đổi, nhưng chúng cũng chưa phải chân thật rốt ráo. Vì sao? Trong kinh nói cõi Thật báo của chư Phật tại sao mà xuất hiện vậy? Đoạn hết vô minh, tuy đoạn sạch vô minh nhưng tập khí vô minh vẫn còn, chưa đoạn hết tập khí. Do vậy, cõi Thật báo trang nghiêm là do tập khí vô minh mà hiện, chẳng phải là có vô minh, thật sự đoạn hết vô minh rồi, chính là không khởi tâm, không động niệm. Không khởi tâm, không động niệm, nhưng tập khí quá vi tế, chẳng những chúng ta không biết mà A-la-hán cũng không biết, Bích-chi Phật cũng không biết. Đức Phật dạy trong kinh, từ Thất địa Bồ-tát trở xuống đều không biết, từ Bát địa trở lên mới nhận biết, mới biết có thứ này tồn tại. Vì thế, ba đại a-tăng-kỳ kiếp chẳng phải là nói về công phu tu hành thông thường của chúng ta, mà là nói về đoạn tập khí vô minh. Không có phương pháp để đoạn tập khí vô minh, mà chỉ để cho nó mất dần, một thời gian lâu sau nó sẽ tự nhiên không còn nữa. Để giảng về tập khí vô minh này, cổ nhân dùng thí dụ để nói với chúng ta; nếu không giảng rõ ràng thì chúng ta cũng không thể lãnh hội. Họ dùng bình rượu, bình rượu đựng rượu, đổ hết rượu trong bình ra, lau sạch bên trong, thật sự một giọt cũng không còn, nhưng vẫn ngửi thấy mùi rượu, cái mùi ấy gọi là tập khí. Có cách nào để khử mùi không? Không có phương pháp, chỉ có cách mở nắp bình ra rồi bỏ đó, để một năm hay nửa năm, sẽ chẳng còn ngửi thấy mùi nữa. Tập khí vô minh của chúng ta phải bao lâu mới hết? Ba a-tăng-kỳ kiếp. Bạn đừng quan tâm đến nó, đây gọi là “đạo không cần dụng công”, nhất định chớ nên có ý niệm đoạn trừ nó, hễ có ý niệm đoạn trừ nó thì vô minh của bạn sẽ tăng trưởng, khởi hiện hành, không để ý tới nó là xong, chẳng có chuyện gì nữa.

Cho nên trong cõi Thật báo, bạn chẳng khác gì Phật quả cứu cánh, chúng sanh hữu duyên trong thập phương thế giới hễ có cảm thì bạn liền có ứng, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Như vậy sau khi thành Phật có phải là hết việc rồi hay không? Không phải, việc rất nhiều. Dầu việc nhiều đến đâu nhưng bạn không cảm

thấy mệt nhọc, bạn có năng lực ứng phó. Vì sao vậy? Trí tuệ, thân thông, đạo lực toàn bộ hiện tiền rồi, bạn có thể hiện vô lượng vô biên thân, tự tại biết bao! Trăm ngàn ức hóa thân, nơi nào có cảm, nơi đó bèn có ứng, “nên dùng thân nào để độ” đều chẳng phải là ý nghĩ của chính mình, chính mình chẳng có ý nghĩ gì, hễ chính mình có ý nghĩ thì đã biến thành phàm phu, chính mình chẳng có ý nghĩ gì, tự tánh khởi tác dụng. Cho nên trong tánh đức, hiện nay chúng tôi đã đọc Đại Kinh nhiều năm như vậy, bèn hiểu rõ, đúng như điều mà đại sư Huệ Năng nói: “Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Cái đầy đủ thứ nhất trong tự tánh là trí tuệ, trí tuệ là gì? *Thấy, nghe, hay, biết*, đây là tự tánh, là tánh đức, khắp tất cả nơi. Sau khi mê thì tự tánh biến thành a-lại-da, a-lại-da là trạng thái đang mê, thấy nghe hay biết biến thành gì? Biến thành *thọ, tưởng, hành, thức*, chúng ta có cảm nhận, chúng ta có tư tưởng. Nói theo tám thức thì cũng rất dễ nói, thấy là căn mắt khởi tác dụng, nghe là căn tai khởi tác dụng; ngoài ra là mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể cảm giác, ý có thể biết, bèn khởi những tác dụng này. Tác dụng này do đâu mà có? Là tánh đức trong tự tánh, thấy nghe hay biết là thứ sẵn có.

Thân thể có sanh diệt, thọ tướng hành thức chẳng có sanh diệt. Vì thế, người đã chết, đã tắt thở, thần thức chưa rời khỏi xác thân, thần thức có thọ tướng hành thức, người thông thường chúng ta gọi thần thức là linh hồn, linh hồn có thọ tướng hành thức, chuyện này rất phiền phức. Nếu bạn còn có oán hận, còn có đố kỵ, còn có chuyện gì phải trả thù, vậy thì đời đời kiếp kiếp về sau oan oan tương báo chẳng có hồi kết. Chúng ta đọc Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, trong phần đầu Văn Xương Đế Quân tự nói ngài 17 đời làm sĩ đại phu, bạn thấy nhân quả báo ứng trong 17 đời của ngài thâm biết bao, sau này gặp được Phật pháp mới giác ngộ, mới hóa giải. Thông khổ ngân ấy! Báo thù thì đời bên đều đau khổ, hà tất phải như vậy? Cho nên, tuy trong nhãn quan của Phật thì những hiện tượng này đều là hư huyền, hết như cảnh mộng, [nhưng phàm phu] ở trong cảnh mộng thật sự chịu khổ, thật sự có *khổ, vui, lo, mừng, xả*, sau khi tỉnh lại mới biết đó là không. Nay chúng ta đang nằm mộng, chưa tỉnh ra, khi nào có thể bỏ được chấp trước đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn chấp trước nữa thì tâm bạn sẽ khôi phục sự thanh tịnh, tuy thanh tịnh nhưng vẫn chưa bình đẳng, khôi phục thanh tịnh thì lục đạo không còn nữa. Lục đạo là nhiễm ô, trong tứ thánh pháp giới không có nhiễm ô, nhưng nó không bình đẳng, vì nó có phân biệt; không có chấp trước, nhưng có phân biệt, nên không bình đẳng. Nếu bạn lại buông xuống phân biệt, buông xuống vọng tưởng thì bình đẳng giác sẽ hiện tiền. Buông xuống phân biệt sẽ bình đẳng,

không phân biệt thì sẽ bình đẳng, buông xuống khởi tâm động niệm thì giác rồi. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã dạy chúng ta ba giai đoạn trong hành môn: thanh tịnh, bình đẳng, giác. Tu điều gì? Tu những điều này, ba thứ này đều sẵn có trong tự tánh, hiện nay chúng ta mê mất tự tánh nên mới sanh ra chướng ngại, đó gọi là nghiệp chướng, chẳng biết chân tướng sự thật. Biết chân tướng sự thật thì thấy khắp pháp giới, hư không giới với chính mình là một thể, không phải là một nhà, mà là một thể, không hai, sanh Phật không hai. Sanh là chúng sanh, Phật là chư Phật, chúng sanh và chư Phật không hai. Phật rất khiêm tốn, đặt chúng sanh ở phía trước, nói chúng sanh trước rồi mới nói đến Phật, sanh Phật không hai. Những điều này đều là tánh đức lưu lộ.

Trong kinh Hoa Nghiêm, bạn thấy Thiện Tài viên mãn Bồ-đề trong một đời, ngài đắc căn bản trí nơi Bồ-tát Văn-thù, chúng ta phải biết, ngài đắc tâm thanh tịnh, đắc tánh bình đẳng, đã giác rồi. Nghĩa là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ, ngài thấy đều đạt được, cũng có nghĩa là ngài đã hoàn toàn buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đạt được thanh tịnh, bình đẳng, giác. Sau khi đạt được bèn vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, vận dụng vào công việc, vì sao vậy? Nhục thân vẫn ở trong thế gian này, vẫn chưa vứt bỏ thân thể này; nói cách khác, bạn vẫn phải sống, vẫn phải mặc áo ăn cơm, vẫn phải làm việc. Do vậy, ngài có thể vận dụng thanh tịnh, bình đẳng, giác vào trong cuộc sống, vận dụng vào công việc, vận dụng trong xử sự, đối người, tiếp vật, đây là gì? Chính là 53 lần tham học. Chúng ta từ sáng đến tối, bạn xem những người mà bạn tiếp xúc trong xã hội là 53 lần tham học. Ngài chia xã hội muôn hình muôn vẻ thành 53 loại. Bạn vừa tiếp xúc, trí tuệ bèn khởi tác dụng, đó gọi là hậu đắc trí. Hậu đắc trí là gì? Hậu đắc trí là căn bản trí khởi tác dụng. Khởi tác dụng thì linh hoạt tốt bụng, nó không khô cứng, nó sống động hoạt bát, mọi mặt đều viên dung, người Trung Quốc gọi là ứng xử khéo léo, được đại tự tại, trong kinh Hoa Nghiêm nói “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”, cảnh giới này hiện tiền rồi. Đến sau cùng, cuối cùng thì quy về đâu? Cuối cùng quy về thế giới Cực Lạc. Bạn thấy khi Thiện Tài tham học, vị thứ nhất, “vào trước làm chủ”, đó là tỳ-kheo Đức Vân. Tỳ-kheo Đức Vân tu gì? Tu bát-chu tam-muội, chuyên niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh độ, điều này đã nói rõ Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Tu pháp môn niệm Phật. Vị thầy đầu tiên mà! Vị thứ 53 là Bồ-tát Phổ Hiền, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Bạn nhìn vào vị mở đầu và vị kết thúc, bạn sẽ biết Thiện Tài tu pháp môn gì, quá rõ ràng. Thiện Tài là học trò ngoan của thầy, Bồ-tát Văn-thù phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, Bồ-tát

Phổ Hiền cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, học trò theo thầy cùng tu Tịnh độ, là học trò ngoan!

Như vậy thì Tịnh độ là kinh Vô Lượng Thọ. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đến sau cùng quy về đâu? Quy về kinh Vô Lượng Thọ, thế nên kinh Vô Lượng Thọ trở thành kinh đệ nhất, thật sự là kinh đệ nhất. Kinh Vô Lượng Thọ có 48 phẩm, nếu chúng ta tiếp tục không ngừng truy cứu thì phẩm nào là đệ nhất? Trong 48 phẩm, kinh văn của phẩm nào là quan trọng nhất? Đương nhiên là phẩm thứ sáu. Phẩm thứ sáu do chính A-di-đà Phật nói, Thích-ca Mâu-ni Phật thuật lại cho chúng ta biết, đây là A-di-đà Phật trong khi tu nhân đã phát ra 48 nguyện. Trong 48 nguyện, trong 48 nguyện này thì nguyện nào quan trọng nhất? Cổ đại đức đã nói cho chúng ta biết, nguyện thứ 18. Nguyện thứ 18 là “khi lâm chung, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc”, quá tuyệt vời! Như vậy thì mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai ứng hóa trong thập pháp giới, lục đạo của vô lượng vô biên cõi nước chư Phật dùng điều gì để giáo hóa chúng sanh, tiếp dẫn chúng sanh, giúp chúng sanh thành Phật trong một đời? Dùng pháp môn này. Nói cách khác, Tịnh độ tam kinh: kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di-đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là những kinh mà tất cả chư Phật Bồ-tát nhất định phải giảng để độ chúng sanh trong lục đạo, trong thập pháp giới, đây là phương thức độ chúng sanh chủ yếu của các ngài, hết thầy những kinh giáo khác đều là thứ yếu, còn những kinh này là chủ yếu nhất, chúng ta phải có nhận thức như vậy. Thế vì sao giảng những kinh khác? Vì chúng sanh không tin Tịnh độ, chẳng thể tiếp nhận, họ thích những thứ khác. Thích điều gì thì tôi bèn giảng cho bạn điều ấy, giảng đến cuối cùng thầy đều trở về đây, tuyệt diệu không thể nghĩ bàn! Bất luận Tông môn hay Giáo hạ, bạn thấy những đại đức trong Thiên tông đến tuổi già chuyên niệm A-di-đà Phật, cầu sanh thế giới Cực Lạc, trong Vãng Sanh Truyện có rất nhiều; tông Hoa Nghiêm càng không cần phải nói, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc; tông Thiên Thai, bản thân đại sư Trí Giả tu hành theo kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh này còn gọi là kinh Thập Lục Quán, ngài vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chúng ta từ những tổ sư đại đức như vậy liền nhận thức được pháp môn này, nhận thức được bộ kinh này, đúng thật là Nhất thừa.

“Liễu nghĩa” là gì? Dùng một câu trong Phật pháp để giải thích: “hiển lộ tột cùng”, hiển là rõ ràng, rõ ràng đến tột cùng gọi là liễu nghĩa. Ví dụ như đức Phật đã dạy chúng ta ở trong kinh Đại thừa: “Phiền não tức Bồ-đề, sanh tử tức Niết-bàn”,

đây là ý nghĩa rõ ràng đến tột cùng. Khi mê thì gọi là phiền não, lúc giác ngộ thì gọi là Bồ-đề; lúc mê thì có sanh tử, khi giác ngộ gọi là Niết-bàn, chỉ có mê hay ngộ, ngoại trừ mê và ngộ ra, xác thật là hết thảy các pháp đều không hai. Trong quá khứ, chúng ta từng học mười loại pháp môn không hai của tông Thiên Thai, đó là rõ ràng đến tột cùng. Liễu nghĩa, nói đơn giản nhất, sau khi chúng ta học xong đạt được thọ dụng chân thật thì đó là liễu nghĩa, nếu không đạt được thọ dụng chân thật thì chẳng phải là liễu nghĩa. Chúng ta muốn hỏi: chúng ta học pháp môn này, chúng ta hy vọng có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, có thể chứng đắc quả vị vô thượng Bồ-đề, pháp môn này có đáp ứng được hay không? Được, pháp môn này là liễu nghĩa, pháp môn này thật sự có thể giúp đỡ, thành tựu chúng ta. Vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, tuy chưa thành Phật nhưng cũng như đã thành Phật rồi, người ấy thật sự gần như thành Phật, điều này do chính A-di-đà Phật nói. Trong 48 nguyện có nói, sanh về thế giới Cực Lạc “đều làm Bồ-tát A-duy-việt-trí”, kinh Vô Lượng Thọ nói như vậy, kinh Di-đà cũng dạy như vậy, Quán kinh cũng giảng như vậy, ba kinh đều có câu này. A-duy-việt-trí là Bồ-tát như thế nào? A-duy-việt-trí là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung là “bất thoái chuyên”. Trong ba loại bất thoái chuyên, loại thứ nhất là *vị bất thoái*, loại thứ hai là *hạnh bất thoái*, loại thứ ba là *niệm bất thoái*, chẳng phải rất tuyệt vời sao? Thông thường nói, hạng người nào chứng đắc Bồ-tát tam bất thoái vậy? Chúng ta nói theo nghĩa rộng thì minh tâm kiến tánh mới chứng đắc, còn gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, giống như cảnh giới mà đại sư Huệ Năng đã chứng đắc, bậc Sơ trụ trong Viên giáo của kinh Hoa Nghiêm đã ra khỏi mười pháp giới. Người còn ở trong mười pháp giới chắc chắn chẳng thể [chứng đắc ba thứ bất thoái], A-la-hán trong mười pháp giới là vị bất thoái, chưa đạt được những thứ khác như hạnh bất thoái và niệm bất thoái, chỉ có vị bất thoái. Nhưng Pháp thân Bồ-tát mới thật sự trọn đủ ba loại bất thoái này. Nói một cách chặt chẽ thì từ bậc Thất địa trong Viên giáo trở lên mới thật sự bất thoái, việc này chẳng phải quá tuyệt vời sao? Đối với chuyện vãng sanh, trong kinh không nói, không có nói rằng: “Người vãng sanh hạ hạ phẩm trong cõi Đồng cư không thuộc trường hợp này!” Không có nói lời này. Có nghĩa là chỉ cần sanh đến thế giới Cực Lạc, hạ hạ phẩm trong cõi Phạm thánh đồng cư cũng là A-duy-việt-trí Bồ-tát. Pháp khó tin này, ai có thể tin tưởng?

Trong kinh cũng có thí dụ sau đây, thông qua thí dụ thì chúng ta có thể biết rõ các tin tức. Như người sanh vào thế gian này, vừa sanh ra liền muốn được sự tôn quý như đế vương, có thể đạt được phước báo lớn như thế hay không? Không được,



làm gì có năng lực ấy! Nhưng nếu bạn sinh trong nhà quốc vương, làm vương thái tử thì lẽ nào chẳng đạt được? Không phải là không có, nhưng rất ít. Thế nhưng, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, A-di-đà Phật là quốc vương, toàn bộ nhân dân đều là vương tử, bạn hưởng phước của ai? Phước của phụ vương, hưởng phước của Phật. Do vậy, sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, người vãng sanh hạ hạ phẩm đều được bốn nguyện, 48 nguyện của A-di-đà Phật gia trì, tu pháp môn khác chẳng có được điều này, bất luận pháp môn nào khác cũng chẳng có cách nói này, chỉ có Tịnh độ tam kinh nói như vậy. Vì thế nói chúng ta được Phật gia trì, Phật lực gia trì. Trí tuệ của Phật gia trì chúng ta, khiến trí tuệ của chúng ta giống như trí tuệ của Phật; công đức của Phật gia trì chúng ta, khiến công đức của chúng ta giống như Phật; phước báo của Phật gia trì chúng ta, khiến phước báo của chúng ta giống như Phật, mọi thứ đều từ nơi Phật mà có, chẳng phải do chính mình, sự việc là như vậy đó. Khi nào chính bạn có năng lực này, không cần Phật gia trì nữa? Bạn ở thế giới Cực Lạc chúng đấng từ Thất địa Bồ-tát trở lên thì sẽ không do Phật gia trì, là của chính mình, trước Thất địa thì toàn bộ đều do Phật lực gia trì. Điều này thù thắng vô cùng, hiếm có vô cùng, bạn nói xem, bạn có thể không học pháp môn này hay không? Người không học pháp môn này không ít, người nào vậy? Người rất tự phụ, tự cho mình tài giỏi lắm, không cam lòng, không bằng lòng làm con nuôi của A-di-đà Phật. Những người này muốn dựa vào tự lực, được thôi, bạn cứ từ từ mà học, bạn phải đi một con đường rất dài, đây là sự thật. Nếu bạn quyết theo A-di-đà Phật thì bạn rất may mắn, bạn thành tựu rất nhanh. Đây là Nhất thừa liễu nghĩa, câu này quá hay!

“Vạn thiện đồng quy”, chữ “vạn” này không phải là con số, mà có nghĩa là viên mãn, hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian quy về đâu? Quy về A-di-đà Phật. A-di-đà Phật là gì? A-di-đà Phật là tánh đức, A-di-đà Phật là danh hiệu của tự tánh. Dịch theo văn tự, câu này là dịch âm từ tiếng Phạn, a dịch là vô, di-đà dịch là lượng, Phật nghĩa là gì? Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích-ca Mâu-ni Phật dùng hai chữ để giải thích ý nghĩa chữ Phật: một là quang, hai là thọ. Quang biểu thị điều gì? Quang biểu thị cho không gian, thọ biểu thị cho thời gian, hiện nay chúng ta gọi là thời không, hết thảy thiện pháp được bao hàm trong thời không đều chẳng lìa A-di-đà Phật. A-di-đà dịch là vô lượng, vô lượng quang, vô lượng thọ, hoàn toàn là tự tánh, chính là vạn thiện đồng quy. Bạn niệm câu Nam-mô A-di-đà Phật là niệm Nhất thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy. Như chúng tôi vừa mới báo cáo đơn giản với quý vị, một câu A-di-đà Phật đã bao quát toàn bộ vô lượng Phật

pháp được tuyên dương bởi mười phương ba đời chư Phật từ vô lượng kiếp đến nay. Một câu A-di-đà Phật triển khai ra thì thành 48 nguyện, 48 nguyện triển khai ra thì thành kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ triển khai ra thì thành kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm triển khai ra thì thành hết thảy các pháp mà Thế Tôn đã nói trong 49 năm. A-di-đà Phật là tổng cương lĩnh, là tột đỉnh của hết thảy các pháp do hết thảy chư Phật Như Lai đã nói, nhận biết rõ ràng điều này không hề dễ dàng! Tôi học Phật gần 30 năm mới hiểu được việc này, cảm thấy may mắn không gì bằng, vui mừng vô cùng, chẳng còn bị dao động nữa, chẳng hoài nghi nữa. Như thế thì tám chữ trong hai câu này đã nói trọn vẹn những điều đó.

Tiếp theo là “trùm khắp ba căn, phàm thánh cùng thâm”, đây là nói đến căn cơ tương ứng với pháp này, đối tượng được giáo hóa bởi pháp môn này. Ba căn là ba căn thượng trung hạ, thượng căn là căn tánh Đại thừa, trung căn là căn tánh Duyên giác, hạ căn là căn tánh Thanh văn, chính là căn tánh Tiểu thừa. Toàn bộ ba loại căn tánh đều có phần. Thậm chí ngay cả người không biết chữ, chưa hề tiếp xúc với học thuật thế gian hay xuất thế gian, người trong nước thường gọi loại người này là người không có văn hóa, nếu họ có thể tin, tin sâu không nghi, nếu họ thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh độ thì nhất định được vãng sanh. Trường hợp này rất nhiều, trong Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, loại người như vậy tối thiểu chiếm hơn một phần ba. Do nguyên nhân nào vậy? Vì sao vừa nói pháp môn này cho các ông cụ bà lão thì họ bèn tin tưởng, còn thành phần trí thức chẳng tin? Tôi học Phật khó khăn lắm mới tiến vào Phật pháp, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi, nếu tôi không học triết học với thầy, nếu thầy không giảng triết học trong kinh Phật, giảng môn này thì tôi vĩnh viễn sẽ chẳng tiến vào cửa Phật, từ chỗ này mà nhận biết Phật giáo. Sau khi vào cửa Phật, lão cư sĩ Lý Bình Nam là học trò của đại sư Ấn Quang, là người hoằng truyền Tịnh độ tông, tôi học kinh giáo, học giảng kinh với thầy. Thoạt đầu, tôi hoài nghi pháp môn Tịnh độ, nghĩ đây là pháp phương tiện của Thích-ca Mâu-ni Phật nhằm tiếp dẫn các bà lão, quan niệm này rất sâu, thành kiến rất sâu. Theo thầy Lý nhiều năm như thế, theo thầy mười năm, thầy hết lòng hết dạ giới thiệu pháp môn này cho tôi, tôi học rồi, không hoài nghi nữa, không dám khinh thường, không dám khinh mạn pháp môn này, cũng rất tôn trọng, nhưng không có ý muốn học, hứng thú đều đặt nơi kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm là do thầy Phương giới thiệu, khi ấy có ảnh hưởng rất lớn đối với tôi.

Khi nào tôi mới tin tưởng Tịnh độ? Có lẽ khi đã học Phật được 20 năm, tôi bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm. Lúc đó mỗi tuần giảng ba ngày, mỗi ngày một tiếng rưỡi, không có máy thu hình, ngay cả máy thu âm cũng không có. Tôi giảng lần thứ nhất, hình như cũng giảng không ít năm, giảng được phân nửa bộ kinh, lúc đó giảng Bát Thập Hoa Nghiêm và Tứ Thập Hoa Nghiêm cùng một lúc, cứ hai ngày giảng Bát Thập Hoa Nghiêm thì một ngày giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, giảng hai kinh cùng nhau. Giảng gần hơn phân nửa, có một hôm chợt nghĩ, Bồ-tát Văn-thù và Bồ-tát Phổ Hiền các ngài tu pháp môn gì vậy? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Do chưa giảng đến phần sau kinh, bèn lật phần sau ra xem, vừa mở phần sau ra xem thì bèn sững sờ, có sao Văn-thù, Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc? Lại xem kỹ phần nói về Thiện Tài đồng tử bèn thấy rõ. Bạn thấy tôi giảng đến phân nửa, toàn là theo kiểu nuốt chửng quá táo, chẳng phát hiện ra chuyện này, bỗng chốc bèn phát hiện ra. Ngài Thiện Tài kế thừa pháp mạch của thầy, là đệ tử nhập thất, là đệ tử truyền pháp của Bồ-tát Văn-thù, chẳng phải là người tầm thường; thầy đã phát nguyện cầu sanh Tịnh độ thì học trò đâu có ngoại lệ? Do vậy, sau đó tôi quay lại, xem lại những phần trước đây đã giảng, những điều này đều đã giảng rồi, tôi xem lại. Khi đó tôi dùng bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, là tỳ-kheo Cát Tường Vân, phần này tôi cũng đã giảng qua rồi, kinh nói rõ ràng ngài tu bát-chu tam-muội, tôi cũng giảng rất rõ ràng, nhưng tôi không liên hệ ngài Thiện Tài với pháp môn niệm Phật, không liên kết đến điều này. Khi đọc lại, liên kết với phần trước, mới biết chẳng sai tí nào, ngài Thiện Tài chuyên tu pháp môn niệm Phật, chúng ta nói ngài niệm một câu Di-đà đến cùng.

Năm mươi ba lần tham học là chuyện như thế nào? Năm mươi ba lần tham học là học rộng nghe nhiều, không có trở ngại, đúng là sự sự vô ngại, pháp môn gì ngài cũng đều tiếp xúc. Hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ, hiểu rõ là tăng trưởng trí tuệ, chính là hậu đắc trí, không có gì không biết. Làm sao biết được? Điều đã từng tiếp xúc, đều hiểu rõ, chuyện gì cũng đều hiểu rõ, pháp nào cũng đều thông đạt, tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng thông. Thế nhưng thế nào? Như như bất động, một câu Di-đà niệm đến cùng, đối với hành môn của chính mình thì chẳng bị ảnh hưởng mảy may. Đó là công phu định lực gì? Thành tựu định tuệ viên mãn của chính mình! Nếu không có sự từng trải này thì làm sao biết định tuệ thành tựu? Pháp môn gì cũng đều tiếp xúc, nhưng chẳng bị ảnh hưởng bởi pháp môn nào, đều không bị ảnh hưởng. Hai hôm nay chúng ta nghe cư sĩ Lưu Tô Vân báo cáo, bạn thấy pháp môn nào bà cũng đều tán thán, đều hay, chính là như vậy, Thiện Tài đồng tử chính là

như vậy, không những đối với mỗi một pháp môn trong Phật môn chúng ta đều hay, mà các tôn giáo khác đều hay. Tôi nhiều năm qua ở các nơi trên thế giới làm công tác đoàn kết tôn giáo, mỗi tôn giáo đều hay, đều đáng tán thán, đều lễ kính, tôi cũng đọc tụng kinh điển của họ, nhưng không trở ngại niệm Phật. Càng tiếp xúc, càng hiểu rõ, càng tiếp xúc thì càng hiểu ra câu A-di-đà Phật này không thể nghĩ bàn, trùm khắp ba căn, phàm thánh cùng thấu, chúng ta là người phàm, ngài Văn-thù, Phổ Hiền là bậc thánh, đều đến thế giới Cực Lạc.

“Vượt ngang tam giới”, tám vạn bốn ngàn pháp môn gọi là “vượt dọc”, tức là nâng lên cao từng bước một, giống như địa vị của Bồ-tát. Từ trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có 51 giai vị, từ địa vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, tới Thập địa là 50 giai vị, trên nữa là Đẳng giác, lên trên nữa là giai vị Diệu giác, còn gọi là giai vị Phật, vượt theo chiều dọc; pháp môn Tịnh độ này không cần như vậy, việc này quá phiền phức, thời gian quá dài, là vượt ngang. Hiện nay chúng ta đang ở cõi người, không cần từ cõi người sanh lên cõi trời, trời lại còn có 28 tầng trời, vượt lên từng tầng một, tốn công lắm! Từ trong cõi người vượt ngang liền ra khỏi, liền đến thế giới Cực Lạc, đây gọi là vượt theo chiều ngang, không cần phải trải qua những phiền phức như thế. Thật sự làm được! Chuyện này chẳng giả. Trong đời này của tôi đã gặp mấy người, họ niệm Phật vãng sanh, làm biểu diễn, làm thị hiện cho chúng ta thấy, không sanh bệnh, biết trước ngày giờ, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh. Khoảng 40 năm trước, Phật Quang Sơn thành lập Học viện Phật giáo Đông phương, pháp sư Tinh Vân mời tôi làm chủ nhiệm giáo vụ, tôi ở trên núi ấy 10 tháng. Trong khoảng thời gian ấy, nghe được một công nhân dài hạn kể chuyện, Phật Quang Sơn công trình rất nhiều, suốt năm chẳng nghỉ ngơi, không ngừng xây cất, cho nên công nhân ở đó cũng làm việc cho Phật Quang Sơn nhiều năm. Buổi tối, tôi cùng một vài người học trò thảo luận Phật pháp, người công nhân ấy cũng ngồi tham dự, nói với chúng tôi, anh kể: “Năm ngoái, một năm trước đó, một bà cụ hàng xóm của anh ấy niệm Phật, đứng vãng sanh, một năm trước”. Điều anh ấy nói là thật, chẳng giả chút nào. Hôm ấy, chúng tôi nghe anh ấy kể chuyện, rất được thọ dụng.

Bà cụ ấy tâm địa hết sức tốt, vô cùng từ bi, cũng chẳng hiểu Phật pháp, nên nhìn thấy thần thì xem như Bồ-tát mà lạy, Thổ địa cũng là Bồ-tát, Thành hoàng

cũng là Bồ-tát, những loại Vương gia công<sup>2</sup> mà dân gian thờ cúng, bà đều nghĩ là Bồ-tát. Ba năm trước đó, bà cưới vợ cho con, con dâu học Phật, hiểu Phật pháp, liền khuyên mẹ chồng chuyên niệm A-di-đà Phật, chuyên lạy Tây Phương Tam Thánh, những vị thần khác đều mời đi, đều mời Bồ-tát đi. Bà mẹ chồng này rất hiếm có, nghe lời con dâu khuyên, thật sự làm, không tới chỗ nào nữa; bình thường hề miếu nào có lễ hội là đều tham gia, giờ bà không đi nữa, ở nhà niệm Phật, trong nhà lập Phật đường, tu ba năm. Ngày ra đi là vào buổi tối, đến bữa cơm tối, bà dặn dò con trai, con dâu, con trai và con dâu vô cùng hiếu thuận, bà bảo: “Các con hãy dùng cơm trước, mẹ đi tắm”, thật ra cả nhà đều đợi bà, đợi rất lâu mà chẳng thấy bà ra. Tối phòng tắm coi thì thấy bà tắm xong rồi, gọi chẳng thấy ai trả lời. Tối Phật đường thì thấy bà mặc áo tràng chỉnh tề, trên tay cầm chuỗi, đứng trước tượng Phật, gọi mà chẳng thấy bà trả lời, tối nhìn kỹ, bà đã đi rồi, bà đã vãng sanh. Hàng xóm đều đến xem, bà đứng mà đi! Đại khái chúng tôi nghĩ, bà không báo cho người nhà biết, nếu cho người nhà biết thì sợ họ sẽ gây chướng ngại cho bà, bà sẽ chẳng thể tự tại dường ấy. Đúng là tự tại, an tường ra đi, chính mắt anh ấy nhìn thấy, không phải giả. Vị công nhân ấy đã giảng cho chúng tôi nghe một bài học do chính mắt anh ấy nhìn thấy.

Khi tôi đến Hồng Kông giảng kinh, chúng tôi nghe băng thu âm lời khai thị trong Phật thất của pháp sư Đàm Hư, tôi nghe thấy lão nhân gia giảng rất nhiều. Sau đó, qua tác phẩm Ảnh Trần Hồi Úc Lục của ngài, chính là truyện ký của ngài, do ngài dùng miệng thuật lại, học trò ngài là pháp sư Đại Quang ghi chép. Chúng tôi cũng rất thân thiết với thầy Đại Quang, thầy vãng sanh chắc cũng 10 năm rồi, 30 năm trước chúng tôi ở Hồng Kông thường ở chung một chỗ, hành văn của thầy rất hay, Ảnh Trần Hồi Úc Lục là do thầy viết, đó là những câu chuyện thật. Gần đây nhất, chừng ba năm trước ở Thâm Quyển có cư sĩ Hoàng Trung Xương, ba mươi mấy tuổi, nghe tôi giảng kinh, nghe nói từ xưa đến nay người thật sự niệm Phật khoảng chừng ba năm thì công phu thành tựu bèn vãng sanh. Trong quá khứ đã từng có mấy vị pháp sư hỏi tôi, họ thấy những trường hợp ấy, họ hỏi: Có phải những người ấy vừa đúng ba năm thì thọ mạng của họ hết rồi hay không? Tôi nghĩ cách nói này không hợp lý, thỉnh thoảng có một hai người thì được, chứ nhiều

---

<sup>2</sup> Vương gia công là tiếng dân gian gọi chung các vị thần thánh của Đạo giáo hay thần thánh theo tín ngưỡng cổ của dân gian.

người như vậy về mặt logic thì không hợp lý, không hợp logic. Vì sao họ vãng sanh? Công phu của họ đã thành phiền. Chỉ cần công phu thành phiền thì bạn muốn ra đi lúc nào cũng được, muốn đi thì đi; muốn ở lại cũng được, ở lại thế gian này là do có nhiệm vụ, có sứ mệnh, làm cho người khác thấy, nếu không có duyên phận với thế gian này thì họ bèn ra đi. Lúc ấy, cư sĩ Hoàng Trung Xương bế quan tại Thâm Quyển ba năm, anh ấy muốn làm thử xem sao: “Người xưa ba năm có thể thành tựu, xem coi mình ba năm có thật sự thành tựu hay không?” [Bế quan niệm Phật] hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng, anh ấy biết trước lúc mất, thật sự ra đi, không sanh bệnh. Khi hỏa táng, có lưu lại xá-lợi, nay xá-lợi vẫn còn thờ ở nơi ấy, làm một cái tháp nhỏ đặt ở đó. Làm ra tấm gương cho chúng ta, thật sự, chẳng phải giả!

Nếu thật sự tin, nguyện thiết tha thì không ai chẳng thành tựu, đừng bỏ lỡ cơ hội. Từ vô lượng kiếp đến nay sanh tử luân hồi trong lục đạo, khổ chẳng thể nói được! Nỗi khổ sở mà bạn gặp phải trong đời này vẫn chưa phải là khổ lớn. Trong quá khứ, bạn từng ở trong địa ngục, làm nạ quý, làm súc sanh, cũng đã từng làm thân trời, nếu nghĩ đến nỗi khổ trong ba đường ác thì bạn còn muốn ở đây để làm gì nữa? Nếu chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, nói cách khác, đối với bất kỳ ai, chắc chắn là thời gian trong ba đường ác lâu dài, thời gian trong cõi trời người ngắn ngủi. Vì sao vậy? Chúng ta học *Pháp tướng duy thức* thì biết, tâm sở tương ưng trong a-lại-da thức, thì thiện tâm sở chỉ có 11 cái, ác tâm sở có 26 cái, chứng tỏ trong tập khí của bạn là thiện ít, ác nhiều. Trước sự dụ dỗ, mê hoặc ở bên ngoài hiện nay thì sức hấp dẫn của giáo dục cổ thánh tiên hiền không còn nữa, hiện nay bên ngoài toàn là giết, trộm, dâm, dối, toàn là bạo lực, sắc tình, như vậy chẳng quá nguy hiểm sao? Thế giới ngày nay vì sao loạn? Tai nạn vì sao nhiều? Nguyên nhân chính là thứ này. Bạn còn có thể không vãng sanh sao? Thật sự giác ngộ, phát tâm đại từ bi, ở nơi đây thêm vài năm nữa, chịu thêm một chút tội, mong mang thêm một ít người cùng đi, đó là sứ mệnh. Có người có thể tiếp nhận, có người nghe lọt tai, có người tin tưởng thì chúng ta vẫn phải làm, một người cũng chẳng bỏ, tới lúc công đức viên mãn liền tự nhiên ra đi. Ra đi cũng thị hiện rất tốt đẹp cho mọi người thấy, giống như Hoàng Trung Xương, giống như bà cụ niệm Phật ở Đài Nam, dù bà suốt đời cũng không biết giảng kinh, cũng chẳng biết hoằng pháp, nhưng thị hiện biểu pháp đó của bà đã độ biết bao nhiêu người! Khiến cho bao nhiêu người khởi lên lòng tin, khiến cho bao nhiêu người hóa giải mối hoài nghi đối với Tịnh độ. Đây là *tác chứng chuyển* trong tam chuyển pháp luân, hiện nay mọi người đều đòi hỏi chứng cứ, bèn làm ra chứng cứ cho bạn xem.

“Thăng lên bốn cõi”, thăng này là nhanh chóng, bốn cõi là cõi Phạm thánh đồng cư, cõi Phương tiện hữu dư, cõi Thật báo trang nghiêm và cõi Thường tịch quang tịnh. Thế giới Tây Phương Cực Lạc hết sức đặc thù, trong thế giới của chư Phật khác thì bốn cõi có giới hạn, chẳng ở cùng một chỗ, thế giới Ta-bà này là báo độ của Thích-ca Mâu-ni Phật, bốn cõi chẳng cùng một chỗ. Chúng ta chỉ là cõi người trong lục đạo, cõi người là cõi Phạm thánh đồng cư, có Phật Bồ-tát ở trên địa cầu chúng ta hay không? Có, thế nhưng phàm phu chúng ta không nhìn thấy các ngài, người có duyên phận đặc biệt đôi khi sẽ nhìn thấy, các ngài cũng không cho bạn thường thấy. Trời Đâu-suất là cõi Phạm thánh đồng cư, trời Đâu-suất có nội viện và ngoại viện, ngoại viện là phàm phu, phàm phu chẳng thấy Bồ-tát trong nội viện, thật sự có chướng ngại. Nhưng trong thế giới Cực Lạc không có chướng ngại này, bốn cõi không có giới hạn, đều ở cùng một chỗ. Do vậy, người vãng sanh hạ hạ phẩm trong cõi Phạm thánh đồng cư, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc có thể thấy Bồ-tát Quán Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền trong cõi Thật báo, thấy đều có thể nhìn thấy. Không những nhìn thấy, mà mỗi ngày còn cùng nhau lên lớp, cùng nghe A-di-đà Phật giảng kinh, mỗi ngày cùng nhau học tập, duyên này đi đâu để tìm? Thông thường không phải cùng một tầng lớp thì chẳng thể ở chung một chỗ. Như bậc Bồ-tát Sơ trụ được nói trong kinh Hoa Nghiêm, giống như chúng ta học tập trong nhà trường, bạn học lớp một, hết thấy mọi người trong phòng học đều là lớp một, không có cách nào chuyển sang phòng học của lớp hai, tình hình là như vậy. Theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Sơ trụ chẳng thấy Nhị trụ, nhưng Nhị trụ có thể thấy Sơ trụ, Sơ trụ chẳng thấy Nhị trụ. Nhưng ở thế giới Cực Lạc là bình đẳng, giống như là học sinh của 51 lớp học đều học trong cùng một lớp, tôi dùng thí dụ này có lẽ mọi người hiểu được, học trong cùng một phòng, bạn sẽ thấy được toàn bộ.

Vì thế, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là sanh trọn bốn cõi, các cõi ấy ở cùng một chỗ, trong ấy chẳng có chướng ngại. Hiện nay chúng ta nói các chiều không gian, ở Cực Lạc không có các chiều không gian, thấy đều thấy hết. Không chỉ có lợi ích này, mà sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn mỗi ngày có năng lực đi lay vạn Phật. Chữ “vạn” này không phải là con số, mà là vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, bạn có thể đến thân cận, cúng dường các vị Phật. Cúng dường là gì? Tu phước, nghe Phật thuyết pháp, khai trí tuệ. Ở cõi này, chúng ta muốn tìm một vị thầy tốt nhưng tìm không ra, đến thế giới Cực Lạc thì mỗi ngày có vô lượng vô biên chư Phật thuyết pháp cho bạn. Đi bằng cách nào? Hóa thân đi,

thân của bạn vẫn ở trước mặt A-di-đà Phật không hề động, bạn phân thân đi, bạn có thể phân ra vô lượng vô biên thân. Bạn thấy trong kinh Di-đà, Thích-ca Mâu-ni Phật nói rất rõ ràng, mỗi ngày cúng dường mười vạn ức Phật. Mười vạn ức đó là biểu pháp, vì thế giới Ta-bà cách thế giới Cực Lạc mười vạn ức cõi Phật, nghĩa là gì? Bạn đến thế giới Cực Lạc, mỗi ngày đều có thể trở về thăm, ý nghĩa là như vậy. Chẳng phải bạn có tình chấp đối với thế giới này ư? Cha mẹ, thầy cô, người thân quyến thuộc đời đời kiếp kiếp ở thế giới này, nếu chẳng muốn rời thì mỗi ngày đều có thể đến thăm họ, dụng ý là ở chỗ này. Trên thực tế không chỉ có vậy, đâu chỉ có mười vạn ức! Cho thấy [người nơi ấy] có thần thông lớn như vậy. Tôn Ngộ Không trong Tây Du Ký mới có 72 phép biến hóa, còn kém xa, lông trên khắp người, một sợi lông có thể biến thành một tiểu Tôn Ngộ Không, vẫn là có hạn lượng, đến thế giới Cực Lạc thì phân thân không có số lượng. Thế nên, sanh sang thế giới Cực Lạc là sanh vào hết thấy các cõi Phật, trong các pháp môn khác không có điều này, bạn nói xem thù thắng biết bao.

“Cực viên cực đôn, là pháp môn vi diệu không thể nghĩ bàn”, điểm này một chút cũng không giả! Bạn nói đời này gặp được pháp này, được thân người, gặp được Phật pháp, gặp được Hoa Nghiêm, gặp được kinh Vô Lượng Thọ, phước báo của bạn đã viên mãn rồi, đâu có phước báo nào to lớn như thế! Đâu may mắn như thế! Hoàn toàn đạt được rồi. Nếu bạn không biết quý trọng thì sẽ bỏ lỡ ngay trước mặt. Con người sống chẳng phải một đời, mà là đời đời kiếp kiếp, điều gì tiếc nuối lớn nhất? Điều này tiếc nuối lớn nhất, không có gì tiếc nuối hơn nữa. Gặp cơ hội tốt như vậy, trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được, cư sĩ Bành Tế Thanh thời Càn Long đã nói, vị cư sĩ này cũng rất cừ khôi, ông nói pháp môn Tịnh tông là “một ngày hiếm có khó gặp trong vô lượng kiếp qua”, vậy mà bạn gặp được rồi. Nói theo hiện nay thì Bành Tế Thanh là con em quan chức cao cấp, cha ông là binh bộ Thượng thư của hoàng đế Càn Long, tức là bộ trưởng Quốc phòng, thế nên gia thế của ông rất tốt. Ông là người thông minh, chưa đến 20 tuổi đã đậu tiến sĩ, có lẽ là năm 19 tuổi, chưa đến 20, 20 tuổi thì làm lễ đội mũ. Ông suốt đời chẳng ra làm quan, ông học Phật, hoàn cảnh gia đình tốt đẹp, học Phật đúng là học đến nơi đến chốn, Tông, Giáo, Hiền, Mật viên dung, là đại cư sĩ, đại đức thời ấy. Đến chỗ này là một đoạn.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: “*Nhưng trong ấy, kinh Vô Lượng Thọ chính là kinh quan trọng hàng đầu trong các kinh Tịnh độ, các bậc đại đức trong Tịnh tông thường gọi kinh này là kinh đệ nhất của Tịnh độ*”. Không chỉ là kinh quan trọng



hàng đầu trong các kinh Tịnh độ, mà chúng ta có thể nói theo cách như thế này, kinh này là kinh quan trọng hàng đầu của cả Đại tạng kinh. Cho nên trải qua các triều đại từ xưa đến nay, đặc biệt là các vị đại đức thời Tùy - Đường, xưng kinh này là kinh đệ nhất của Tịnh độ. Luận theo phương diện thời gian phiên dịch, Tịnh độ tông truyền đến Trung Quốc, bộ kinh được phiên dịch đầu tiên là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di-đà và Quán kinh được dịch về sau này, kinh này được dịch sớm nhất vào thời Hán, khi vừa mới được truyền sang, nhằm thời ngài An Thế Cao. Cho nên đây là thật, chẳng phải giả. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta học tập đến đây.